

PM 6:33

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group	G12
Round	5
Date	2026.8.24
Board	1

WHITE Jiang Luning						FED CHN						RESULT (W) 1					
BLACK Makalew, Veronica Jefany Sheryl Kichi						FED INA						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Re3	Nd7	41	Rc8	Rd7	61	Kg5	Nf8						
2	d4	d5	22	f4	b6	42	Rc7	Rd7	62	Kf6	Kb5						
3	e5	Bf5	23	cb	ab	43	Rd7	Qd7	63	Ke7	Nh7						
4	h4	h5	24	Rc4	Rc4	44	Qe2	Ng6	64	Ne4	Kc4						
5	Bd3	Bd3	25	Qc1	kg8	45	Qc2	Qe7	65	Nf6	Nf6						
6	Qd3	e6	26	Nd4	Nd7	46	Qc3	Nf8	66	Kf6	Kd5						
7	Bg5	Re7	27	Qc7	Kh7	47	a4	e5	67	kg6	Ke6						
8	Nf3	Qb6	28	Nf3	Rf8	48	Qf3	e4	68	Kd5	Kf7						
9	Nd2	c5	29	Nd4	Ng6	49	Qf5	g6	69	Kh6	Kg8						
10	c4	Nd6	30	Qc1	kg8	50	Qf5	Qf6	70	g4	Kd8						
11	a3	cd	31	g3	Rd8	51	Qf7	Qf7	71	g5	Kg8						
12	b4	Qh8	32	Rh2	Rf8	52	Nf7	Kf7	72	g6	Kd8						
13	c5	Rd8	33	Rd2	Nd5	53	Nd6	Ke6	73	g7	Kg8						
14	Re7	Ne7	34	fe	Nd5	54	Ne4	Nd7	74	h5	Kf7						
15	Nd4	Qd7	35	Qd3	Ng4	55	Ne2	Kd5	75	Kh7	Kf6						
16	Nd5	Kf8	36	Qb3	Qd7	56	Nd3	Kd4	76	g5	Kf5						
17	Nd6	Rc7	37	Nd45	Qd7	57	a5	ba	77	h6	Kf6						
18	Rh3	Ng6	38	Qf3	Nd5	58	ba	Kd5	78	Qd4	Kd5						
19	Qd4	Qd4	39	Qd1	Kd8	59	Kd3	Kb5	79	Kg7	Kf4						
20	Nb3	Nd8	40	Re7	Rd7	60	Kf4	Kd5	80	h7	Kf3						
SIGNATURE (WHITE) 姜宁						SIGNATURE (BLACK) Makalew, Veronica						SIGNATURE (ARBITER) Pan Qian					

PM 6:33

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24 august

Group	G12
Round	5
Date	24 august
Board	1

WHITE Jiang Luning						FED CHN						RESULT (W) 1					
BLACK Veronica J.S.L. Makalew						FED INA						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	Re3	Nd7	41	Rc8	Rd7	61	kg5	Nf8						
2	d4	d5	22	f4	b6	42	Rc7	Rd7	62	Kf6	Kb5						
3	e5	Bf5	23	Cxb6	axb6	43	Rxb7	Qxb7	63	Ke7	Nh7						
4	h4	h5	24	Rc1	Rxc1	44	Qe2	Ng6	64	Ne4	Kc4						
5	Bd3	Cxb3	25	Qxc1	kg8	45	Qc2	Qe7	65	Nf6	Nf6						
6	Qd3	e6	26	Nd4	Nd7	46	Qc3	Nf8	66	Kf6	Kd5						
7	Bg5	Re7	27	Qc7	Kh7	47	a4	e5	67	kg6	Ke6						
8	Nf3	Qb6	28	Nf3	Rf8	48	Qf3	e4	68	Kd5	Kf7						
9	Nd2	c5	29	Nd4	Ng6	49	Qf5	g6	69	Kh6	Kg8						
10	c4	Nd6	30	Qc1	kg8	50	Qf5	Qf6	70	g4	Kd8						
11	a3	Nd4	31	g3	Rd8	51	Qf7	Qf7	71	g5	Kg8						
12	b4	Qd8	32	Rh2	Rf8	52	Nf7	Kf7	72	g6	Kd8						
13	c5	Rd8	33	Rd2	Nd5	53	Nd6	Ke6	73	g7	Kg8						
14	Bxe7	Nxc7	34	Fxe5	Nxe5	54	Nxe4	Nd7	74	h5	Kf7						
15	Nxd4	Qd7	35	Qe3	Ng4	55	Kd2	Kd5	75	Kh7	Kf6						
16	Nb5	Kf8	36	Qb3	Qd7	56	Nd3	Kd4	76	g5	Kf5						
17	Nd6	Rc7	37	Nd45	Qd7	57	a5	ba	77	h6	Kf6						
18	Rh3	Ng6	38	Qf3	Nd5	58	ba	Kd5	78	Qd4	Kd5						
19	Qd4	Qd4	39	Qd1	Kd8	59	Kd3	Kb5	79	Kg7	Kf4						
20	Nb3	Nd8	40	Re7	Rd7	60	Kf4	Kd5	80	h7	Kf3						
SIGNATURE (WHITE) 姜宁						SIGNATURE (BLACK) Makalew, Veronica						SIGNATURE (ARBITER) Pan Qian					

PM 5:42

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26.08.24 Board 2

WHITE Huang, Zixin						FED CHN		RESULT (W)			
BLACK Lee, Jian A						FED KOR		RESULT (B)			
								0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	dxe4 ⁷⁰	Rhf8 ²¹	41			61		
2	c4	e6	22	e5 ⁷⁰	Nb5 ²⁰	42			62		
3	Nf3	d5	23	Qb4 ³⁸	Bg4 ¹⁸	43			63		
4	Nc3	c5	24	c5 ³⁸	Nb7 ¹³	44			64		
5	Cxd5	Cxd4	25	Qxb4 ³¹	Kb8 ¹²	45			65		
6	Nxd4	exd5	26	c6 ³⁶	Qc7 ¹³	46			66		
7	g3	Nc6	27	Qxb7 ³⁵	Qb7 ¹³	47			67		
8	Bg2	Bc5	28	Nxd7 ³⁵	Rg8 ¹³	48			68		
9	Nb3	Bb4	29	Nb6 ³⁴	Rg7 ¹³	49			69		
10	O-O ⁸⁵	Bxc3 ⁷⁸	30	Rb1 ³⁵	Kb7 ¹³	50			70		
11	Bxc3 ⁸⁵	h6 ⁷⁶	31	~~Bg4~~ Bc5 ³⁴		51			71		
12	Ba3 ⁸²	Be6 ⁷²	32			52			72		
13	Nf5 ⁸⁵	b6 ⁶⁵	33			53			73		
14	Nb7 ⁷¹	Qd7 ⁶⁴	34			54			74		
15	Ndb7 ⁷¹	Kb8 ⁶⁴	35			55			75		
16	c4 ⁶⁴	d4 ⁴⁸	36			56			76		
17	Qb5 ⁷⁸	Kc7 ⁴¹	37			57			77		
18	Rf1 ⁵⁰	h6 ³⁶	38			58			78		
19	e3 ⁴³	Bg4 ²⁸	39			59			79		
20	Rd2 ⁴¹	Be6 ²⁴	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Huang Zixin			SIGNATURE (BLACK) 07/01			SIGNATURE (ARBITER) Pan Qian					

PM 5:42

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 26.08.24 Board 2

WHITE						FED		RESULT (W) /			
BLACK						FED		RESULT (B) 0			
Lee, Jian A											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	ed	Rhf8	41			61		
2	c4	e6	22	d5	Na5	42			62		
3	Nf3	d5	23	Qb4	Bg4	43			63		
4	Nc3	c5	24	c5	Nb7	44			64		
5	cd	cd	25	Qxb6	Kb8	45			65		
6	Nb4	ed	26	c6	Qc7	46			66		
7	g3	Nc6	27	Qxb7	Qxb7	47			67		
8	Bg2	Bc5	28	Nxb7	Rg8	48			68		
9	Nb3	Bb4	29	Nd6	Rg7	49			69		
10	O-O	Bxc3	30	Rb1	Ka7	50			70		
11	bc	h6	31	Bc5#		51			71		
12	Ba3	Be6	32			52			72		
13	Nc5	b6	33			53			73		
14	Nb7	Qd7	34			54			74		
15	Nd6	Kd8	35			55			75		
16	c4	d4	36			56			76		
17	Qa4	Kc7	37			57			77		
18	Rf1	a6	38			58			78		
19	e3	Bg4	39			59			79		
20	Rd2	Be6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Huang Zixin			이지민			Pan Qian					

Date
2010

Group	G 12
Round	5
Board	2

LE (ARBITER)
Pan Duan

Date 4/2

Group	G12
Round	5
Board	3

PAK (ARBITER)
Pan Qian

2

PM 7:42

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.26

Board 3

Group G12
Round 5

WHITE			Paredes, Althea Dominguez			FED		PHI		RESULT (W)		0	
BLACK			Luo, Zhen zhen			FED		CHN		RESULT (B)		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	Rb8	Ke5	21	Kg8	h2	41			61				
2	Re5	Kf5	22	Kg2	Rf2	42			62				
3	Rf5	Kc8	23	Kh1	Kf3	43			63				
4	Rb8	h6	24			44			64				
5	Rb6	Kf3	25			45			65				
6	Rb3	Kf2	26			46			66				
7	g6	Ke2	27			47			67				
8	Kc2	h3	28			48			68				
9	Kc2	Kf2	29			49			69				
10	Rb8	Kf3	30			50			70				
11	Rb6	h1	31			51			71				
12	Rb2	Kf6	32			52			72				
13	Rb3	Rf2	33			53			73				
14	Kd9	Rc2	34			54			74				
15	RK6	Kd5	35			55			75				
16	Rb3	g6	36			56			76				
17	Rb1	Kh6	37			57			77				
18	Kh1	Rf2	38			58			78				
19	Rc1	Rf3	39			59			79				
20	Kd8	g3	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
Althea			Luo, Zhen zhen			Pan Qian							

2

PM 7:42

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24 Aug

Board 3

Group G12
Round 5

WHITE Paredes, Althea Dominique M.						FED PHI		RESULT (W) 0			
BLACK Luo, Zhen zhen						FED CHN		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Rb8	Kc4	21	Kg1	h2	41			61		
2	Rc8	Kf5	22	Kg2	Rf2	42			62		
3	Rf8	kg4	23	Kh1	Kh3	43			63		
4	Rb8	h4	24			44			64		
5	Rb4	Kf3	25			45			65		
6	Rb3	Kf2	26			46			66		
7	Ng4	Kc2	27			47			67		
8	Kg2	h3	28			48			68		
9	Kh2	Kf2	29			49			69		
10	Rb8	Kf3	30			50			70		
11	Rb4	Rf1	31			51			71		
12	Rxb2	Kxg4	32			52			72		
13	Rb3	Rf2	33			53			73		
14	Kg1	Rg2	34			54			74		
15	Rb4	Kh5	35			55			75		
16	Rb8	g5	36			56			76		
17	Rb1	Kh4	37			57			77		
18	Kh1	Rf2	38			58			78		
19	Rc1	Rf3	39			59			79		
20	Kh2	g3	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Althea			SIGNATURE (BLACK) Luo, Zhen zhen			SIGNATURE (ARBITER) Pan Qian					

PM 5:34

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group 5
Round 12
Board 4

WHITE Ye, shuhan.										FED CHN	RESULT (W) 1/2
BLACK Mandukhai, Munkhbat.										FED MGL	RESULT (B) 1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.	es	21	Re1	Rae8	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Ke1	kg7	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	g3	Bot	43			63		
4	d4.	ed	24	Rea	H8.	44			64		
5	Nd4	Bb4	25	Bd1	BO5	45			65		
6	Nc6	bc	26	Bb5	Red8	46			66		
7	Bd3	o-o	27	Rc2	Re6	47			67		
8	o-o	dg	28	Red6	Rd3.	48			68		
9	ed	cd	29	ag	Bc4	49			69		
10	Bg5	cg	30	d4	cd	50			70		
11	Qf3.	hg.	31	cd	Rd2	51			71		
12	Bf6	Qf6	32	Rc1	Bb4	52			72		
13	Qf6	gf	33	g4	as	53			73		
14	Ne2	Re6.	34	Rd2	Rc8	54			74		
15	c3	Bd6.	35	Rea2	Re8	55			75		
16	Nd4	cs	36	Re8	Re8	56			76		
17	Nf5	Bf5	37	Ke2		57			77		
18	Bf5	Rab8.	38			58			78		
19	b3	Rfex	39			59			79		
20	Bd3	Re5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Ye, Shuhan			Mangyad.			Pan Qian					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.23

Group 5
Round 12
Board 4

WHITE Ye, Shuhan										FED CHN	RESULT (W) 1/2
BLACK Mandukhai, Munkhbat										FED MGL	RESULT (B) 1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	es	21	Re1	Rbex	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Ke1	kg7	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	g3	Bot	43			63		
4	d4	ed	24	Re2	H8.	44			64		
5	Nd4	Bb4	25	Rd1	BO5	45			65		
6	Nc6	bc	26	Bb5	Rd8	46			66		
7	Bd3	o-o	27	Rc2	Re6	47			67		
8	o-o	dg	28	Rd2	Red6	48			68		
9	ed	cd	29	Rd3	ab	49			69		
10	Bg5	cg	30	Rd4	cd	50			70		
11	Qf3	hg	31	cd	cd	51			71		
12	Bf6	Qf6	32	Rc1	Bb4	52			72		
13	Qf6	gf	33	g4	as	53			73		
14	Ne2	Re6.	34	Rc2	Rc8	54			74		
15	c3	Bd6.	35	Re2	Re8	55			75		
16	Nd4	cs	36	Re8	Re8	56			76		
17	Nf5	Bf5	37	Ke2		57			77		
18	Bf5	Rab8.	38			58			78		
19	b3	Rfex	39			59			79		
20	Bd3	Re5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Ye, Shuhan			Mangyad.			Pan Qian					

PM 5:34

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026 2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026 2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)											Group W2G
											Round 5
											Board 5
WHITE <i>Ventolero, khana Kathine c.</i>						FED <i>PRI</i>		RESULT (W) <i>1</i>			
BLACK <i>Ujin Bumshure</i>						FED <i>MAC</i>		RESULT (B) <i>0</i>			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bc4	Ba6	41			61		
2	Nf3	b6	22	Bxa6	Rxa6	42			62		
3	Bf4	Bb7	23	Qb5	Ra8	43			63		
4	Nbd2	d6	24	Rxf5	Nhf6	44			64		
5	c3	Nbd7	25	Ra4	Rc8	45			65		
6	c3	g6	26	Gc6	Re8	46			66		
7	Bc4	Bg7	27	Nc5	Nh5	47			67		
8	O-O	O-O	28	Ke5	Nxe5	48			68		
9	Re1	Nh5	29	Bxe5	Bxe5	49			69		
10	h3	e5	30	Gxf6	Kg8	50			70		
11	BQ5	Nhf6	31	dxe5	Ng7	51			71		
12	Qa3	Q5	32	Rf7	Nec6	52			72		
13	a4	h6	33	Gh7#		53			73		
14	Bh4	g5	34			54			74		
15	Bg3	c4	35			55			75		
16	Nh2	d5	36			56			76		
17	Be2	Nh7	37			57			77		
18	f3	Kh8	38			58			78		
19	Re4	dxe4	39			59			79		
20	Rf1	f5	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) <i>Ventolero</i>			SIGNATURE (BLACK) <i>Ujin</i>			SIGNATURE (ARBITER) <i>Pan. Dorian</i>					

PM 6:10

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.8.24

Group

G12

Round

5

Board

6

WHITE Zaidani Zinner al Annour											
BLACK Wen, Aiyu											
FED MAS						FED CHN					
RESULT (W) 1						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Rd1	Qb7	41			61		
2	d4	d5	22	Bd4	Be7	42		-	62		
3	e5	c5	23	e6	Bf8	43			63		
4	c3	nc6	24	Qe3	Bg7	44			64		
5	Nf3	Bd7	25	Bg7	Qg7	45			65		
6	d3	d5	26	Qb6	Rc8	46			66		
7	Bd3	cd	27	Nd5	Bd5	47			67		
8	cd	ab6	28	Rd5	o-o	48			68		
9	Bc2	Be7	29	h3	Rf8	49			69		
10	o-o	f6	30	Qa5	Qb2	50			70		
11	Nc3	Bd8	31	e7	Rf8	51			71		
12	Naf	Qa7	32	Rd8	Qb7	52			72		
13	Re1	Re6	33	Qd2	Kf7	53			73		
14	Nes	Nes	34	Qb6	Qb2	54			74		
15	de	Ne7	35	Qh7	Kf6	55			75		
16	Be3	b6	36	Rd6	Kg5	56			76		
17	Qh5	g6	37	Rg6	Kf4	57			77		
18	Qh6	h2	38	Qh4		58			78		
19	Bf5	ef4	39			59			79		
20	Nc3	Bc6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Zaidani Zinner al Annour				Wen, Aiyu				Pan Qian			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

24/8/2026

Group

G12

Round

5

Board

6

WHITE Zinnerah Annour, Zaidani											
BLACK Wen, Aiyu											
FED MAS						FED CHN					
RESULT (W) 1						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Rd1	Qb7	41			61		
2	d4	d5	22	Bd4	Be7	42			62		
3	e5	c5	23	e6	Bf8	43			63		
4	c3	Nc6	24	Qe3	Bg7	44			64		
5	Nf3	Bd7	25	Bxg7	Qxg7	45			65		
6	q3	q5	26	Qxb6	Rc8	46			66		
7	Bd3	cd4	27	Nxd5	Bcd5	47			67		
8	cd4	Qb6	28	Rxd5	o-o	48			68		
9	Bc2	Be7	29	h3	Rb8	49			69		
10	o-o	f6	30	Qxq5	Qxb2	50			70		
11	Nc3	Bd8	31	e7	Rf8	51			71		
12	Na4	Qa7	32	Rd8	Qb7	52			72		
13	Re1	fxe3	33	Qd2	Kf7	53			73		
14	Nxe5	Nxe5	34	Qh6	Qb2	54			74		
15	dxe5	Ne7	35	Qxh7	Kf6	55			75		
16	Be3	b6	36	Rd6	Kg5	56			76		
17	Qh5	g6	37	Rxg6	Kf4	57			77		
18	Qh6	Nf5	38	Qh4		58			78		
19	Bxf5	exf5	39			59			79		
20	Nc3	Bc6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Zinnerah Annour, Zaidani				Wen, Aiyu				Pan Qian			

PM 6:10

PM 4:57

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.24

Board 7

Group G12

Round 5

WHITE Kung-Fan-Hsuan											
BLACK Xin Yur van											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nd7	Qd7	41	Nd3	cd	61		
2	Nf3	Nf6	22	Nf3	Ra8	42	Ra1	Qa1	62		
3	g3	cb	23	Bd2	Qc7	43	Bg2	Qb2	63		
4	Bg2	Bf5	24	Qe2	Bd3	44	Kg3	d2	64		
5	Q3	h6	25	Qd1	Bh7	45	Qd1	Bh7	65		
6	Nbd2	eb	26	Qe2	Ra5	46	Kf3	Qa3	66		
7	0-0	Be7	27	Nh4	Ne4	47	Kf3	Qd3	67		
8	Re1	Nbd7	28	Nf3	Rf2	48	h3	Bc3	68		
9	Qb3	b6	29	Ra5	Qa5	49	Kf3	Bd4	69		
10	a4	0-0	30	Ne5	Ba2	50	Qd2	Qf1	70		
11	Qd1	c5	31	Bc1	Bd6	51	kg3	Be3	71		
12	e3	Qc7	32	Ng4	b4	52	Qe3	Qd1	72		
13	Qe2	c4	33	Bc4	Be4	53	f5	d4	73		
14	Qd1	Rac8	34	Nf2	Bh7	54	Qe4	Qg1	74		
15	Nh4	Bh7	35	Qg4	bc	55	Kh4	Qf2	75		
16	f4	ab	36	bc	Qc2	56	Kh5	Qe3	76		
17	e4	Ne4	37	Qd3	Ra2	57	Qa8	Kh7	77		
18	Nf3	Ne6	38	g4	Bd3	58	Kh7	Qf2	78		
19	Ne5	b5	39	Bc3	Qc3	59	Kh5	g6	79		
20	ab	ab	40	Rc1	Ra1	60	f7	f7	80		
SIGNATURE (WHITE) Sheng				SIGNATURE (BLACK) Xin Yur van				SIGNATURE (ARBITER) Pan Qian			

PM 4:57

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.24

Board 7

Group G12

Round 5

WHITE Kung-Fan-Hsuan											
BLACK Xin Yur van											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nd3	Qd7	41	Nd3	Qd3	61		
2	Nf3	Nf6	22	Nf3	Ra8	42	Ra1	Qa1	62		
3	g3	c6	23	Bd2	Qc7	43	kg2	Qb2	63		
4	Bg2	Bg5	24	Qe2	Bd3	44	kg3	d2	64		
5	c3	h6	25	Qd1	Bh7	45	Qd1	Bh4	65		
6	Nbd2	eb	26	Qe2	Ra5	46	Kf3	Qe3	66		
7	0-0	Be7	27	Nh4	Ne4	47	Kf2	Qd3	67		
8	Re1	Nbd7	28	Nf3	Ra8	48	h3	Bc3	68		
9	Qb3	b6	29	Ra5	Qa5	49	Kf3	Bd4	69		
10	a4	0-0	30	Ne5	Qa2	50	Qd2	Qf1	70		
11	Qd1	c5	31	Bc1	Bd6	51	kg3	Bxe3	71		
12	e6	Qc7	32	Ng4	b4	52	Qe3	Qd1	72		
13	Qe2	c4	33	Bxe4	Bxe4	53	f5	d4	73		
14	Ra1	Ra8	34	Nf2	Bh7	54	Qe4	Qg1	74		
15	Nh4	Bh7	35	Qg4	bxc3	55	Kh4	Qf2	75		
16	f4	a6	36	bxc3	Qc2	56	Kh5	Qe3	76		
17	e4	Nxe4	37	Qf3	Ra2	57	Qa8	Kh7	77		
18	Nh3	Nf6	38	g4	Bd3	58	Kh4	Qf2	78		
19	Ne5	b5	39	Be3	Qc3	59	Kh5	g6	79		
20	axb5	axb5	40	Rc1	Ra1	60	f7	f7	80		
SIGNATURE (WHITE) Sheng				SIGNATURE (BLACK) Xin Yur van				SIGNATURE (ARBITER) Pan Qian			

PM 5:48

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026												Group G12			
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)												Round 5			
    												Date 2026.8.24		Board 8	
WHITE Anandari, Jambalsuren						FED MGL			RESULT (W) 1/2						
BLACK Battuu Buuinkham, Battur						FED MGL			RESULT (B) 1/2						
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK				
1	e4	e5	21	Nf3	BC6	41			61						
2	Nf3	NC6	22	Ke2	Bd4	42			62						
3	d4	e-d	23	Nd4:	Rd4	43			63						
4	Nd4:	Nf6	24	Rf4	Rq-d	44			64						
5	NC6:	d-c	25	Ke3	Kf6	45			65						
6	Qd8:	Kd8:	26	Rf1	b3	46			66						
7	Bd3	BC5	27	Rf1-f2	C4	47			67						
8	Bg5	Be7	28	BC4:	b-c	48			68						
9	NC3	h6	29	Rca2:	Ke5	49			69						
10	Bf6:	Bf6:	30	Rg4#	RE4:	50			70						
11	f4	Bd4	31	RE4:	BE4:	51			71						
12	Rd1	KE7	32	RC1	Bg2	52			72						
13	h3	BE6	33	Bf7:	Bh3:	53			73						
14	d3	Rh-d8	34	RC7:	Bf5:	54			74						
15	f5	Bd7	35	RC5+	Kf6	55			75						
16	Rf1	b5	36	RQ5:	Rf7:	56			76						
17	Q5Kd2	Rb1q5	37	Rf5:	KE6	57			77						
18	Rb1	b4	38	Rh5Rb5	Rd5	58			78						
19	NE2	Bf6	39			59			79						
20	Ng1	C5	40			60			80						
SIGNATURE (WHITE) Anandari						SIGNATURE (BLACK) Buuinkham			SIGNATURE (ARBITER) Pam Oivan						

PM 5:48

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Group
Round
Board

Date
2026-8-24

WHITE Anudari						FED Mgt		RESULT (W)			
BLACK Aujin Kharm						FED Mgt		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ne3	Bc6	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Ke2	Bd4	42			62		
3	d4	eod4	23	Nd4	Rd4	43			63		
4	Nd4	Nf6	24	R44	Rd8	44			64		
5	Nf6	dc6	25	Ke3	Kf6	45			65		
6	Qd8	Kd8	26	R41	b3	46			66		
7	Bd3	Bf4	27	Rf2	c4	47			67		
8	Bg5	Be7	28	Bc4	bc2	48			68		
9	Nc3	h6	29	Re2	Ke5	49			69		
10	Bf6	Bf6	30	Rg4	Re4	50			70		
11	f4	Bd4	31	Re4	Be4	51			71		
12	Rd1	Ke7	32	Rc1	Bg2	52			72		
13	h3	Be6	33	Bf7	Bh3	53			73		
14	a3	Rd8	34	Re7	Bf5	54			74		
15	f5	Bd7	35	Re5	Kc6	55			75		
16	R41	b5	36	Ra5	Kf7	56			76		
17	Kd2	a5	37	R35	~~h6~~ Ke6	57			77		
18	Bd1	b4	38	Rb5	Rd5	58			78		
19	Ne2	Bf6	39			59			79		
20	Ne1	c5	40			60			80		

SIGNATURE (WHITE) Anudari * SIGNATURE (BLACK) Bu:inkham SIGNATURE (ARBITER) Pam Niam

PM 4:46

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.24

Group G12
Round 5
Board 9

WHITE 吴强						FED CHN		RESULT (W)			
BLACK Ma Shu						FED CHN		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	g5	Qxg2	41	f5	Kf7	61		
2	Nf3	Nc6	22	Qa4	Qd2	42	Qc7	Kg8	62		
3	Bb5	Nf6	23	Qa7	Qa5	43	Kg3	h4	63		
4	d3	Bc5	24	Qe5	Kc7	44	Kxh4	Kf8	64		
5	0-0	d6	25	Kg3	Kxg4	45	Kh5	Kf8	65		
6	c3	Bd7	26	Kc1	Qc5	46	Kg6	Kg8	66		
7	Bg5	h6	27	Rxg5	dc	47	Qd7		67		
8	Bh4	g5	28	g4	Kc8	48			68		
9	Bg2	Nh5	29	a5	b9	49			69		
10	d4	Nf3	30	Qe5	Re7	50			70		
11	f9	Bb6	31	Qa5	Rh4	51			71		
12	Kh1	Qe5	32	Qb6	Kc8	52			72		
13	cd	Qe7	33	d6	Kf1	53			73		
14	Nc3	0-0	34	Qc7	Ke8	54			74		
15	Re1	Qd8	35	Qxg5	b5	55			75		
16	a3	Qd7	36	Kg2	f6	56			76		
17	d5	Re5	37	f4	g4	57			77		
18	Qd7	Rd7	38	g4	h4	58			78		
19	Nd4	Nf3	39	Qxh4	Kd6	59			79		
20	Nb6	cb	40	Qb6	Kc7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
吴强			马舒			Pan Qian					

PM 4:46

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2024.8.24

Group G12
Round 5
Board 9

WHITE Wu Honglin						FED CHN		RESULT (W) 1			
BLACK Ma Shu						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5 1:30	21	g5	Qb2 1:2	41	ss	Kf7	61		
2	Nf3	Nc6 1:31	22	Qa4	Qd2 5:5	42	Qc7	Kg8 3:30	62		
3	Bb5	Nf6 1:30	23	Qa7	Qa5 5:2	43	Kxg3	Nf3 3:30	63		
4	d3	Bc5 1:26	24	Re1	Re7 5:1	44	Kh4	Kf8 3:30	64		
5	0-0	d6 1:25	25	Rc7	Kc7 5:0	45	Kh5	Ke8 3:30	65		
6	c3	Bd7 1:25	26	Rc1	Qc5 5:0	46	Kg6	Kf8 3:30	66		
7	Bg5	h6 1:24	27	Rc5	dc 4:9	47	Qd7		67		
8	Bh4	g5 1:20	28	g4	Rd8 4:8	48			68		
9	Be3	Nf5 1:18	29	Qc5	ba 4:4	49			69		
10	d4	Nf3 1:15	30	Qc5	Kd7 4:4	50			70		
11	fg	Bb6 1:15	31	Qa5	Rb8 4:4	51			71		
12	Kh1	ed 1:12	32	Qb6	Kc8 4:3	52			72		
13	ed	Qe7 1:11	33	d6	Kd7 4:3	53			73		
14	Nc3	0-0 1:9	34	Qc7	Kc8 4:3	54			74		
15	Re1	Qd8 1:8	35	Qb8	b5 4:2	55			75		
16	a3	Qd7 1:7	36	Kg2	f6 4:0	56			76		
17	d5	Nf5 1:6	37	f4	g5 3:5	57			77		
18	Bd7	Rd7 1:6	38	g5	h5 3:6	58			78		
19	Nd4	Nf3 1:3	39	Qb5	Kd6 3:3	59			79		
20	Nb6	cb 1:3	40	Qb6	Ke7 3:6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
								Pan Qian			

PM 4:29

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group	G12
Round	5
Board	10

WHITE Ma Suyu										FED CHN	RESULT (W)
BLACK Chang Lan-Xin Nancy										FED TPE	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 1:30	e5 1:30	21	Rh9 1:25	Rg8 1:27	41	h8=Q 1:21	Q5 1:58	61		
2	Nf3 1:31	Nc6 1:31	22	Rg8 1:25	Rg8 1:27	42	Qf6 1:21	Kd7 58'	62		
3	Bc4 1:31	Bc5 1:31	23	Qh5 1:24	Qe6 1:26	43	Qe5 1:21	c6 59'	63		
4	d3 1:31	h6 1:31	24	Nf3 1:23	af7 1:08	44	Qg5 1:22	Kd6 59'	64		
5	Be3 1:30	Be3 1:31	25	Qh4 1:22	Qg6 1:03	45	d4 1:22	b4 59'	65		
6	fe 1:30	Nf6 1:31	26	Rg1 1:20	Qg1 1:03	46	ab 1:22	ab 59'	66		
7	Nbd2 1:30	d6 1:31	27	Ng1 1:20	Rg1 1:04	47	Qd8 1:23	Ke6 59'	67		
8	h3 1:31	a6 1:31	28	Kd2 1:20	Rg2 1:02	48	Qb6 1:23	Kd6 1:00	68		
9	Q3 1:31	b5 1:30	29	Ke1 1:20	Rc2 1:00	49	Qb4 1:23	Kc7 1:00	69		
10	Ba2 1:30	O-O 1:30	30	Qh7 1:20	Kd6 1:59	50	Kf3 1:24	Kd7 1:00	70		
11	g4 1:31	Be6 1:30	31	Qf7 1:20	Rb2 58'	51	e4 1:24	Ke6 1:00	71		
12	Be6 1:30	fe 1:30	32	h4 1:19	Rb1 59'	52	Qb6 1:24	de 1:01	72		
13	Qe2 1:30	d5 1:30	33	Ke2 1:19	Rb2 59'	53	Ke4 1:25	Kd6 1:01	73		
14	ed 1:29	ed 1:30	34	Kf3 1:19	Rb1 58'	54	d5 1:25	Ke7 1:02	74		
15	g5 1:28	h9 1:30	35	h5 1:20	Rf1 58'	55	dc 1:25	Kd6 1:02	75		
16	Ng5 1:28	Qd6 1:28	36	Kg2 1:20	Rf5 58'	56	c7 1:26	Kd7 1:02	76		
17	O-O 1:28	Rfe8 1:28	37	h6 1:20	Ne7 57'	57	Qb7 1:26	Kd6 1:03	77		
18	Rd1 1:27	Kf8 1:27	38	h7 1:20	Ng6 57'	58	c8=Q 1:26	Ke6 1:03	78		
19	Nh7 1:26	Ke7 1:27	39	Qg6 1:20	Rg5 57'	59	Rc6 1:26		79		
20	Nf6 1:26	gf 1:27	40	Rg5 1:20	fg 58'	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Msy			Nancy			Pan Qian					

PM 16:29

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24

Group	G12
Round	5
Board	10

WHITE Ma Suyu										FED CHN	RESULT (W)
BLACK Chang Lan-Xin Nancy										FED TPE	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Rh9	Rg8	41	h8=Q	Q5	61		
2	Nf3	Nc6	22	Rxg8	Rxg8	42	Qf6	Kd7	62		
3	Bc4	Bc5	23	Qh5	Qe6	43	Qe5	c6	63		
4	d3	h6	24	Nf3	Qf7	44	Qxg5	Kd6	64		
5	Be3	Bxe3	25	Qh4	Qg6	45	d4	b4	65		
6	fex3	Nf6	26	Rg1	Qxg1	46	axb4	axb4	66		
7	Nbd2	d6	27	Nxg1	Rxg1	47	Qd8	Ke6	67		
8	h3	a6	28	Kd2	Rg2	48	Qb6	Kd6	68		
9	a3	b5	29	Rxc2	Qh7	49	Qxb4	Kc7	69		
10	Ba2	O-O	30	V	Kd6	50	Kf3	Kd7	70		
11	g4	Be6	31	Qf7	Rxb2	51	e4	Ke6	71		
12	Bxe6	fex6	32	h4	Rb1	52	Qb6	dxc4	72		
13	Qe2	d5	33	Ke2	Rb2	53	Kxe4	Kd6	73		
14	exd5	exd5	34	Kf3	Rb1	54	d5	Ke7	74		
15	g5	hxg5	35	h5	Rf1	55	dxc6	Kd6	75		
16	Nxg5	Qd6	36	Kg2	Rf5	56	c7	Kd7	76		
17	O-O	Rfe8	37	h6	Ne7	57	Qb7	Kd6	77		
18	Rf1	Kf8	38	h7	Ng6	58	c8=Q	Ke6	78		
19	Nh7	Ke7	39	Qxg6	Rxg6	59	Rc6		79		
20	Nxf6	gxf6	40	Qxg5	fxg5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Msy			Nancy			Pan Qian					